

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01 tháng 4 năm 2022.

V/v “Tranh chấp chia tài sản chung có được
trong thời kỳ hôn nhân”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Chi Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Mẫn.
2. Bà Võ Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung có được trong thời kỳ hôn nhân” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20a/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp ÔN, xã TTr, thị xã GC, Tiền Giang.

Bị đơn: Cao Văn Th, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp ÔN, xã TTr, thị xã GC, Tiền Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cao Thanh Kh, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp ÔN, xã TTr, thị xã GC, Tiền Giang

2. Cao Thanh Tuấn Kh, sinh năm 2005. Vắng mặt.

Địa diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1973 và Cao Văn Th, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp ÔN, xã TTr, thị xã GC, Tiền Giang

3. Đinh Thị Thúy A, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp GX, xã TTr, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp GX, xã TTr, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

5. Trương Thị Thanh X, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp GX, xã TTr, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

6. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Đại diện theo pháp luật: Tiết Văn Th – Tổng giám đốc. Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận BD, Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phi Ch – Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã GC, tỉnh Tiền Giang theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Người được ủy quyền lại: Trần Minh Th – Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã GC, tỉnh Tiền Giang theo Giấy ủy quyền số 67/GUQ ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ: Số BB TĐ, phường M, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Bé Th là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Th sống chung với nhau từ năm 1996, không đăng ký kết hôn. Theo Bản án số 129/2020/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công tuyên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Th là vợ chồng.

Thời gian chung sống, anh chị tạo lập các tài sản chung gồm có:

* Tài sản trên đất:

- Nhà chính 01: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái fibro. Diện tích: 123.12m².

- Nhà tiền chế: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Nền xi măng, mái tole. Diện tích: 88.147,5m².

- Hàng rào 01: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 27.85m².

- Hàng rào 02: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 22.75m².

- Hàng rào 03: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 24.80m².

- Hàng rào 04: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 19.85m².

- Nhà chính 02: Xây dựng năm 2016. Tại GX, xã TTr. Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole. Diện tích: 59.04m².

- Mái che: Xây dựng năm 2016. Tại GX, xã TTr. Cấu trúc: Nền xi măng, mái tole. Diện tích: 10.578m².

* Quyền sử dụng đất:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04038 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 17 tháng 12 năm 2014 cho bà Đinh Thị K và tặng cho Cao Văn Th theo hồ sơ số 004038.GH.002 ngày 23 tháng 5 năm 2019. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr. Thửa 457, Tờ bản đồ số 17. Diện tích 739.4m². Đất LUC. Vị trí:

- + Đông giáp Kênh số đo 55.78m;
- + Tây giáp đất Võ Văn Q số đo 56.08m;
- + Nam giáp đất Nguyễn Văn H số đo 12.70m;
- + Bắc giáp đất Cao Văn Th số đo 13.77m.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ON, TT. Thửa 1530, Tờ bản đồ số 02. Diện tích 700m². Đất LUC. Đo đạc thực tế diện tích: 496.7m². Vị trí:

- + Đông giáp Kênh số đo 17.93m và 23.09m;
- + Tây giáp đường bê tông số đo 40.74m;
- + Nam giáp đất Cao Văn Th số đo 13.77m;
- + Bắc giáp đường bê tông số đo 10.55m.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ON, TT. Thửa 1579, Tờ bản đồ số 02. Diện tích 430m². Đất LUC. Đo đạc thực tế diện tích: 535.1m². Vị trí:

- + Đông giáp Nguyễn Thị L số đo 27.90m;
- + Tây giáp đất Cao Văn M số đo 29.68m;
- + Nam giáp đất Cao Văn M số đo 20.25m;
- + Bắc giáp đường bê tông số đo 17.03m.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ON, TT.

+ Thửa 1576. Đất LUC. Tờ bản đồ số 02.

Diện tích 170m²

+ Thửa 1577. Đất LUC. Tờ bản đồ số 02.

Diện tích 1.620m².

5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02779/ON do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 05 tháng 9 năm 2007 cho ông Cao Văn Th.

+ Thửa 1797. Đất trồng cây lâu năm. Tờ bản đồ 02.

Diện tích 97m².

Thửa 1576, 1577, 1797 thực tế giáp ranh nhau và nhập thành 01 không còn ranh giới từng thửa.

Đo đạc thực tế diện tích: 1.887m².

Vị trí:

+ Đông giáp đất Cao Văn M số đo 4.05m, 19.97m, 36.81m và giáp Đinh Thị K số đo 2.06m;

- + Tây giáp Kênh số đo 8.90m, 19.08m, 13.05m;
- + Nam giáp đất Đình Thị K số đo 25.54m, 17.35m.;
- + Bắc giáp đường bê tông số đo 28.42m, 39.66m.

Tại 03 thửa này có:

- Nhà chính 01: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái fibro. Diện tích: 123.12m².
- Nhà tiền chế: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Nền xi măng, mái tole. Diện tích: 88.147,5m².
- Hàng rào 01: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 27.85m².
- Hàng rào 02: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 22.75m².
- Hàng rào 03: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 24.80m².
- Hàng rào 04: Xây dựng năm 2011. Tại ON, TT. Cấu trúc: Cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 19.85m².

6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07114 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 23 tháng 11 năm 2016 cho Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: GX, xã TTr. Thửa 790. Tờ bản đồ số 12. Diện tích 69.6m². Đất LUC. Qua đo đạc thực tế diện tích 69.6m².

Vị trí:

- + Đông giáp Nguyễn Văn Đ số đo 5.0m;
- + Tây giáp đường Huyện 99E số đo 5.0m;
- + Nam giáp đất Nguyễn Văn Đ số đo 13.94m;
- + Bắc giáp đất Phạm Võ Anh Ch số đo 13.92m.

Thửa này có có căn nhà kiên cố và ranh giới quyền sử dụng đất với các hộ giáp ranh ổn định là mép tường nhà phía ngoài của anh Th. Gồm:

- Nhà chính: Xây dựng năm 2016. Tại GX, xã TTr. Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole. Diện tích: 59.04m².
- Mái che: Xây dựng năm 2016. Tại GX, xã TTr. Cấu trúc: Nền xi măng, mái tole. Diện tích: 10.578m².

* Nữ trang: 01 sợi dây chuyền vàng 18kr trọng lượng 15 chỉ 05 phân; 01 chiếc lắc vàng 18kr trọng lượng 10 chỉ 05 phân; 01 chiếc nhẫn vàng 18kr trọng lượng 02 chỉ 05 phân. Anh Th quản lý.

* Về nợ chung: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Gò Công số tiền 120.000.000 đồng. Chị đã đứng ra trả xong.

* Về nợ riêng: Anh Th vay của chị An 26.000.000 đồng và vay của chị Th 5.000.000 đồng. Chị đã đứng ra trả xong.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Chia quyền sử dụng đất nêu trên thành 03 phần: Chia cho chị, anh Th và anh Kh nhưng phần của anh Kh thế nào thì chị không biết.

+ Chị xin nhận toàn bộ thửa 790, 457, 1577;

+ Anh Th nhận thửa 1797 đất lúa 369,7m²; thửa 457, 700m² đất thửa 1530 và 170m² đất lúa thửa 1576;

- Về nữ trang thì rút yêu cầu khởi kiện;

- Về số tiền vay ngân hàng chia đôi và đề nghị Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị;

- Về số tiền chị trả thay cho anh Th nợ chị An, chị Th: Rút yêu cầu khởi kiện.

* Anh Cao Thanh Kh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Nhà cửa, đất đai là do mẹ anh là bà Thanh tạo nên anh không ý kiến gì.

* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Gò Công là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Chị Th đã hoàn tất việc thanh toán khoản vay xong.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Căn cứ vào khoản 4 Điều 27 luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 21, 22, 28, 35, 46, 48, 49, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 92, 97, 98, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự., có hạn chế về thời gian chuẩn bị xét xử. Về nội dung vụ án: Áp dụng các điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của anh Th và chị Th gồm các thửa đất và 02 căn nhà cùng hàng rào nêu trên.

Chị Th không yêu cầu chia nhà và tài sản trên đất nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Th yêu cầu chia 01 sợi dây chuyền vàng 18kr trọng lượng 15 chỉ 05 phân; 01 chiếc lắc vàng 18kr trọng lượng 10 chỉ 05 phân; 01 chiếc nhẫn vàng 18kr trọng lượng 02 chỉ 05 phân và số tiền chị Th trả thay cho anh Th nợ chị An, chị Th.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc chia tài sản là quyền sử dụng đất. Chia đôi tài sản là quyền sử dụng đất, chia cho chị Th thửa đất 1576, 1577, 1797, 790; chia cho anh Th thửa 1579, 1530, 457; tính chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất để hai bên hoàn lại cho nhau.

Buộc anh Th có nghĩa vụ trả cho chị Th 60.000.000 đồng tiền nợ Ngân hàng mà chị Th đã trả.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Th khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị An, chị Th, anh Kh, anh Kh, chị X, anh Th vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 xét xử vắng mặt.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Th yêu cầu chia đôi 01 sợi dây chuyền vàng 18kr trọng lượng 15 chỉ 05 phân; 01 chiếc lắc vàng 18kr trọng lượng 10 chỉ 05 phân; 01 chiếc nhẫn vàng 18kr trọng lượng 02 chỉ 05 phân và số tiền 31.000.000 đồng mà chị Th trả thay cho anh Th khi anh Th vay tiền của chị An, chị Th.

[2] **Về nội dung:**

1. Xét yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị Th.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Th và anh Th chung sống với nhau từ năm 1996 đến 2020, thời gian chung sống, anh chị có 02 người con chung là anh Kh và anh Kh.

Về tài sản chung:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04038 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 17 tháng 12 năm 2014 cho bà Đinh Thị K và tặng cho Cao Văn Th theo hồ sơ số 004038.GH.002 ngày 23 tháng 5 năm 2019. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr. Thửa 457, Tờ bản đồ số 17. Diện tích 739.4m². Đất LUC.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr. Thửa 1530, Tờ bản đồ số 02. Diện tích 700m². Đất LUC. Đo đạc thực tế diện tích: 496.7m².

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr. Thửa 1579, Tờ bản đồ số 02. Diện tích 430m². Đất LUC. Đo đạc thực tế diện tích: 535.1m².

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr.

+ Thửa 1576. Đất LUC. Tờ bản đồ số 02.

Diện tích 170m²

+ Thửa 1577. Đất LUC. Tờ bản đồ số 02.

Diện tích 1.620m².

+ Thửa 1797. Đất trồng cây lâu năm. Tờ bản đồ 02. Diện tích 97m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02779/ON do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 05 tháng 9 năm 2007 cho ông Cao Văn Th.

03 thửa này thực tế giáp ranh nhau và nhập 01 không còn ranh giới từng thửa. Đo đạc thực tế diện tích: 2.019m².

Tại 03 thửa này có:

- Nhà chính 01: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái fibro. Diện tích: 123.12m².

- Nhà tiền chế: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Nền xi măng, mái tole. Diện tích: 88.147,5m².

- Hàng rào 01: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 27.85m².

- Hàng rào 02: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 22.75m².

- Hàng rào 03: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 24.80m².

- Hàng rào 04: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 19.85m².

5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07114 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 23 tháng 11 năm 2016 cho Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: GX, xã TTr. Thửa 790. Tờ bản đồ số 12. Diện tích 69.6m². Đất LUC. Qua đo đạc thực tế diện tích 69.6m².

Thửa này có có căn nhà kiên cố và ranh giới quyền sử dụng đất với các hộ giáp ranh ổn định là mép tường nhà phía ngoài của anh Th.

- Nhà chính: Xây dựng năm 2016. Tại GX, xã TTr. Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole. Diện tích: 59.04m².

- Mái che: Xây dựng năm 2016. Tại GX, xã TTr. Cấu trúc: Nền xi măng, mái tole. Diện tích: 10.578m².

Quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th; quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TT. Cấp cho hộ, thành viên hộ có anh Th, chị Th, anh Kh, anh Kh nhưng tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh Kh, anh Kh còn nhỏ chưa đủ 10 tuổi thì không thể xem xét có công sức đóng góp gì vào tài sản này, anh Kh thừa nhận đây là tài sản

do chị Th tạo lập. Nên việc chị Th yêu cầu chia thành 03 phần là không được chấp nhận.

Tất cả tài sản này có được trong thời gian chị Th và anh Th sống chung với nhau tuy anh chị không đăng ký kết hôn và các thửa đất số 790, 457, 1797 cấp cho cá nhân anh Th nhưng trên các thửa đất có nhà của anh Th, chị Th xây và trong thời gian dài sử dụng không ai ý kiến gì, anh Th cũng phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th nên xác định các tài sản nêu trên là của anh Th, chị Th và chia đôi là có căn cứ để chấp nhận.

Chị Th và cháu Khiêm đang sinh sống tại căn nhà trên các thửa đất 1576, 1577, 1797; anh Kh và chị X sinh sống tại căn nhà trên thửa đất 790 nên cần chia cho chị Th các thửa đất này để đảm bảo việc chị và các con của chị có nơi sinh sống ổn định; anh Th được chia thửa 1579, 1530, 457.

Giá đất tại ÔN, xã TT: Đất LUC: 90.000 đồng/m²; Giá đất trồng cây lâu năm: 200.000 đồng/m². Giá đất lúa tại Gò Xoài, xã Tân Trung: 200.000 đồng/m².

Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 333.699.000 đồng.

Phần chị Th được chia tổng diện tích thực tế là thửa 1576, 1577, 1797 với diện tích 1.887m² x 90.000 đồng, thành tiền là 169.830.000 đồng; thửa 790 diện tích 69.6m² x 200.000 đồng, thành tiền là 13.920.000 đồng; tổng cộng phần của chị Th trị giá 183.850.000 đồng. Anh Th được chia thửa 1530, 1579, 457 tổng diện tích là 1.666,1m² x 90.000 đồng, thành tiền là 149.949.000 đồng. Như vậy chị Th phải hoàn lại cho anh Th số tiền chênh lệch là 16.900.500 đồng.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Gò Công 120.000.000 đồng, anh Th đứng tên vay và chị Th đã trả xong nên cần buộc anh Th hoàn lại cho chị Th số tiền 60.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật và được căn trừ vào số tiền chị Th hoàn chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất cho anh Th.

Chị Th đã trả xong nợ Ngân hàng nên cần buộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Gò Công trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1579, 457.

Chị Th không yêu cầu chia tài sản là nhà và công trình xây dựng trên đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Các đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 28, 35, 39, 92, 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 55, 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17 tháng 8 năm 2016 và Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé Th:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé Th yêu cầu chia 01 sợi dây chuyền vàng 18kr trọng lượng 15 chỉ 05 phân; 01 chiếc lắc vàng 18kr trọng lượng 10 chỉ 05 phân; 01 chiếc nhẫn vàng 18kr trọng lượng 02 chỉ 05 phân và số tiền 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*) mà chị Nguyễn Thị Bé Th trả thay cho anh Cao Văn Th.

2. Xác định tài sản chung của chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Cao Văn Th gồm:

- Quyền sử dụng đất LUC, thửa 457, Tờ bản đồ số 17. Diện tích 739.4m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04038 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 17 tháng 12 năm 2014 cho bà Đinh Thị K và tặng cho Cao Văn Th theo hồ sơ số 004038.GH.002 ngày 23 tháng 5 năm 2019. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr, Thửa 457, Tờ bản đồ số 17. Diện tích 739.4m². Đất LUC.

- Quyền sử dụng đất LUC, thửa 1530, Tờ bản đồ số 02. Đo đạc thực tế diện tích: 496.7m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Quyền sử dụng đất LUC, thửa 1579, Tờ bản đồ số 02. Đo đạc thực tế diện tích: 535.1m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Quyền sử dụng đất LUC các thửa: Thửa 1576, diện tích 170m²; thửa 1577, diện tích 1.620m². Tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm, thửa 1797. Tờ bản đồ 02. Diện tích 97m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02779/ON do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 05 tháng 9 năm 2007 cho ông Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Quyền sử dụng đất LUC, thửa 790. Tờ bản đồ số 12. Qua đo đạc thực tế diện tích 69.6m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07114 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 23 tháng 11 năm 2016 cho Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: GX, xã TTr;

- Nhà chính 01: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái fibro. Diện tích: 123.12m²;

- Nhà tiền chế: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Nền xi măng, mái tole. Diện tích: 88.147,5m²;

- Hàng rào 01: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 27.85m²;

- Hàng rào 02: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 22.75m²;

- Hàng rào 03: Xây dựng năm 2011. Tại ÔN, xã TTr. Cấu trúc: Móng cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 24.80m²;

- Hàng rào 04: Xây dựng năm 2011. Tại GX, xã TTr. Cấu trúc: Cột bê tông, lưới B40. Diện tích: 19.85m²;

- Nhà chính: Xây dựng năm 2016. Tại GX, xã TTr. Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole. Diện tích: 59.04m²;

- Mái che: Xây dựng năm 2016. Tại GX, xã TTr. Cấu trúc: Nền xi măng, mái tole. Diện tích: 10.578m²;

3. Chia cho chị Nguyễn Thị Bé Th:

- Quyền sử dụng đất LUC các thửa: Thửa 1576, diện tích 170m²; thửa 1577, diện tích 1.620m². Tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: GX, xã TTr, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm, thửa 1797. Tờ bản đồ 02. Diện tích 97m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02779/ON do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 05 tháng 9 năm 2007 cho ông Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: GX, xã TTr, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

Vị trí thửa 1576, 1577, 1797:

+ Đông giáp đất Cao Văn M số đo 4.05m, 19.97m, 36.81m và giáp Đinh Thị K số đo 2.06m;

+ Tây giáp Kênh số đo 8.90m, 19.08m, 13.05m;

+ Nam giáp đất Đinh Thị K số đo 25.54m, 17.35m.;

+ Bắc giáp đường bê tông số đo 28.42m, 39.66m.

- Quyền sử dụng đất LUC, thửa 790, Tờ bản đồ số 12. Qua đo đạc thực tế diện tích 69.6m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07114 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 23 tháng 11 năm 2016 cho Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: GX, xã TTr.

Vị trí:

+ Đông giáp Nguyễn Văn Đ số đo 5.0m;

+ Tây giáp đường Huyện 99E số đo 5.0m;

+ Nam giáp đất Nguyễn Văn Đ số đo 13.94m;

+ Bắc giáp đất Phạm Võ Anh Ch số đo 13.92m.

4. Chia cho anh Cao Văn Th:

- Quyền sử dụng đất LUC, thửa 457, Tờ bản đồ số 17. Diện tích 739.4m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04038 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 17 tháng 12 năm 2014 cho bà Đinh Thị K và tặng cho Cao Văn Th theo hồ sơ số 004038.GH.002 ngày 23 tháng 5 năm 2019. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Vị trí:

+ Đông giáp Kênh số đo 55.78m;

+ Tây giáp đất Võ Văn Q số đo 56.08m;

+ Nam giáp đất Nguyễn Văn H số đo 12.70m;

+ Bắc giáp đất Cao Văn Th số đo 13.77m.

- Quyền sử dụng đất LUC, thửa 1530, Tờ bản đồ số 02. Đo đạc thực tế diện tích: 496.7m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: Võ Văn Quang, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Vị trí:

+ Đông giáp Kênh số đo 17.93m và 23.09m;

+ Tây giáp đường bê tông số đo 40.74m;

+ Nam giáp đất Cao Văn Th số đo 13.77m;

+ Bắc giáp đường bê tông số đo 10.55m.

- Quyền sử dụng đất LUC, thửa 1579, Tờ bản đồ số 02. Đo đạc thực tế diện tích: 535.1m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSĐĐ do Ủy ban

nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th. Địa chỉ thửa đất: ÔN, xã TTr, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Vị trí:

+ Đông giáp Nguyễn Thị L số đo 27.90m;

+ Tây giáp đất Cao Văn M số đo 29.68m;

+ Nam giáp đất Cao Văn M số đo 20.25m;

+ Bắc giáp đường bê tông số đo 17.03m.

- Chị Nguyễn Thị Bé Th có nghĩa vụ phải hoàn lại cho anh Th số tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất là 16.900.500 đồng (Mười sáu triệu chín trăm nghìn năm trăm đồng). Hoàn lại ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Cao Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng chị Nguyễn Thị Bé Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

(Tất cả các thửa đất nêu trên có sơ đồ kèm theo)

5. Kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên phần đất được chia nêu trên cho chị Nguyễn Thị Bé Th và anh Cao Văn Th theo quy định của pháp luật.

6. Về nợ chung: Anh Cao Văn Th có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Bé Th số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Bé Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Cao Văn Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Buộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang trả cho:

- Chị Nguyễn Thị Bé Th:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00416.QSDD do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 26 tháng 8 năm 2004 cho hộ Cao Văn Th;

- Anh Cao Văn Th:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04038 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 17 tháng 12 năm 2014 cho bà Đinh Thị K và tặng cho Cao Văn Th theo hồ sơ số 004038.GH.002 ngày 23 tháng 5 năm 2019.

8. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Bé Th chịu 8.342.475 đồng (*Tám triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*) và được trừ vào số tiền 3.020.000 đồng (*Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) mà chị Nguyễn Thị Bé Th nộp tạm

ứng tại biên lai số 0019094 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Bé Th phải nộp tiếp số tiền 5.322.475 đồng (*Năm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*);

- Anh Cao Văn Th chịu 10.497.450 đồng (*Mười triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng*);

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

9. Về chi phí tố tụng: Chi Nguyễn Thị Bé Th chịu 5.670.672 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng) và được trừ vào tạm ứng trước đây. Như vậy, chị Nguyễn Thị Bé Th đã nộp đủ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THÂM NHÂN DÂN

THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN CÔNG MÃN

VÕ THỊ BÍCH LIÊN

VÕ CHI LAN